TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI D□ ƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày : 21/5/2019

NHÂN DANH

N□ ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc H1

Bà Phạm Thị Chuộng

Th- ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Chính Hướng- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Kinh Môn tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện K đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2019/ HSST ngày 01 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1**.** Họ và tên: **Lê Văn L -** sinh năm 1994

Nơi cư trú: xã A, Huyện A, thành phố Hải Phòng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Văn T1 và bà Lưu Thị T2; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 05/11/2018 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Vũ Quốc B -** sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, Huyện An Dương, TP. Hải Phòng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Không. Con ông Vũ Văn Minh và bà Lưu Thị Liễu; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Công an Huyện Thủy Nguyên - thành phố Hải Phòng từ ngày 29/01/2019, theo Lệnh bắt để tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Huyện Thủy Nguyên. Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Hoàng T -** sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn V, xã K, Huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn Thành và bà Đặng Thị Mai; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ Lê Nguyễn Mai Phương, bị cáo có 02 con;

Tiền án: Không.

Nhân thân: Năm 2013, Công an Huyện Kim Thành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 74/QĐ- XPHC ngày 15/8/2013 về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 05/11/2018 đến nay. Có mặt.

- *Người bị hại:*

+ Chị Vũ Thị T3, sinh năm 1993 và anh Đặng Văn K, sinh năm 1991;

Người đại diện theo ủy quyền của anh K, chị T3: Bà Trần Thị L1, sinh năm 1958

Đều ở địa chỉ: thôn H1, xã H, Huyện K, tỉnh Hải Dương;

+ Ông Nguyễn Trọng L, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1959;

Đều ở địa chỉ: thôn K, xã A, Huyện K, tỉnh Hải Dương;

Các bà Nga, L1 và ông L đề nghị được vắng mặt.

- *Người có quyền L nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1972

Địa chỉ: thôn C, xã V, Huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;

+ Anh Hoàng N L3, sinh năm 1993

Địa chỉ: thôn P, xã K, Huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;

+ Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: thôn P, xã K, Huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;

Anh H có mặt. Các anh L3, H1 đề nghị vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Thanh N, sinh năm 1993

Địa chỉ: thôn T, xã K, Huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;

+ Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: thôn Văn Minh, xã K, Huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 06 giờ 15 phút ngày 27/10/2018, Lê Văn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter, biển số 34B1- 806.48 (xe L mượn của anh Nguyễn Hữu H) đến nhà anh Nguyễn Đức H - sinh năm 1984, ở thôn V, xã K, Huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương chơi. Tại đây, L gặp Vũ Quốc B. L và B rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Khoảng 07 giờ cùng ngày, B chở L đi đến thôn H1, xã H, Huyện K thì phát hiện trước cổng nhà chị Vũ Thị T3 dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave S, biển số 34D1-185.42. Quan sát thấy xung quanh không có người, B dừng xe ngồi trên xe để cảnh giới, còn L đến lấy xe nổ máy điều khiển xe đi về nhà anh Nguyễn Hữu H, còn B điều khiển xe theo sau. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Hoàng T đến nhà H chơi thì L bảo H chiếc xe Wave S biển số 34D1-185.42 là xe của L và nhờ T tìm chỗ cầm cố hộ để vay tiền tiêu và nhờ anh H đi xe của L đi cùng để đón T về (T và anh H không biết xe do L và B trộm cắp mà có), T và anh H đồng ý. T điều khiển xe mô tô Wave S biển số 34D1- 185.42 đến gặp anh Phạm Văn H1 - sinh năm 1990, ở địa chỉ: P - K- Kim Thành để lại chiếc xe máy trên cho anh H1 để vay 2.800.000 đồng, anh H1 đồng ý. Trên đường về anh H mua đồ ăn hết 500.000 đồng (do L và B nhờ) còn lại 2.300.000 đồng anh H về đưa cho L, L chia cho B 1.200.000 đồng, số tiền còn lại L cầm chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, B và L tiếp tục rủ nhau đi trộm cắp tài sản. B điều khiển xe mô tô Exciter, biển số 34B1- 806.48 chở L đi đến xã An Sinh, Huyện K. Đến 19 giờ cùng ngày, khi đến quán bán thịt chó của ông Nguyễn Trọng L tại địa chỉ: thôn Kim Xuyên xã An Sinh, Huyện K thì cả hai phát hiện thấy ở trước cửa quán có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda- Wave alpha, biển số 34R2- 0638 trên xe có gắn giá sắt chở hàng của vợ chồng ông L, bà Nga, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa. Thấy không có người trông coi, B điều khiển xe đi quay lại, dừng xe lại ngồi trên xe cảnh giới, còn L đi đến chỗ chiếc xe mô tô trên, gạt chân chống, dong xe ra đường thì ông L phát hiện tri hô, L điều khiển xe bỏ chạy đến Huyện Kim Thành, còn B điều khiển xe đi theo sau. Khi đến trạm thu phí cầu An Thái thuộc Phú Thái, Huyện Kim Thành thì B và L đổi xe cho nhau, và hẹn gặp nhau ở nghĩa trang liệt sĩ xã K, Huyện Kim Thành. Trên đường đi, B tháo chiếc giá sắt chở hàng gắn trên xe mô tô trộm cắp được bán cho một người đàn ông thu mua sắt vụn gặp trên đường (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) được số tiền 120.000 đồng, và tháo biển số xe vất đi. Khoảng hơn 19 giờ cùng ngày, khi đến khu vực nghĩa trang xã K, Huyện Kim Thành, B đưa cho L 120.000 đồng để đổ xăng xe. Tại đây, L gọi điện cho Nguyễn Hoàng T nhờ đi bán xe hộ, khoảng 05 phút sau T đi bộ đến, T hỏi tại sao xe không có biển số và

giấy tờ thì B và L nói xe vừa trộm cắp ở Huyện K và nhờ T bán xe hộ, T đồng ý. T dẫn B và L đến nhà anh Hoàng N L3 - sinh năm 1993, ở xã Kim Xuyên, Huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương để bán xe. Khi gặp anh L3, T nói xe của T bị mất giấy tờ và biển số, anh L3 tin là thật nên đồng ý mua với giá 3.500.000 đồng, nhưng do không đủ tiền nên anh L3 hẹn sáng hôm sau. Đến sáng ngày 28/10/2018, L, T đi xe mô tô Wave alpha, biển số 34R2- 0638 đến nhà anh L3 giao xe và nhận số tiền 3.500.000 đồng. Sau khi bán xe xong, T đưa lại cho L 3.500.000 đồng, L chia cho T 500.000 đồng, B 1.500.000 đồng, cả ba đã tiêu sài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Huyện K đã quản lý được 01 xe môtô nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter là xe mà L và B dùng để đi trộm cắp tài sản do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Huyện Kim Thành thu giữ được và bàn giao; 01 xe máy nhãn hiệu Honda - Wave anpha màu đỏ đen không có biển số do anh Hoàng N L3 giao nộp; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển số 34D1-185.42 do anh Phạm Văn H1 giao nộp.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 01/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Huyện K, kết luận: Xe máy nhãn hiệu Honda loại Wave S biển số 34D1-185.42, còn trị giá là 11.187.200 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 01/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Huyện K, kết luận: Xe máy nhãn hiệu Honda loại Wave anpha biển số 34R2- 0639 còn trị giá là 5.520.000 đồng.

Đối với chiếc giá sắt chở hàng B đã bán cho người đàn ông thu mua sắt vụn (không rõ họ, tên, tuổi, địa chỉ), chiếc biển số của xe máy Honda Wave alpha biển số 34R2- 0638 B đã vất trên đường đi (không xác định được địa điểm) và đối với 03 chiếc điện thoại kèm theo sim số của L, B, T dùng để liên lạc rủ nhau đi trộm cắp và tiêu thụ, hiện L, B, T đã làm rơi mất ở đâu không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Huyện K không thu hồi được.

Ngày 26/11/2018 và ngày 27/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Huyện K đã trả lại cho bà Trần Thị L1 (được chị Vũ Thị T3 ủy quyền) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave S biển số 34D1-185.42; Trả lại cho ông Nguyễn Trọng L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha. Bà L1, ông L và các anh H1, L3 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về phần trách nhiệm dân sự.

Tại cáo trạng số: 17/CT- VKSKM ngày 28/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Kinh Môn đã truy tố các bị cáo Lê Văn L, Vũ Quốc B về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và truy tố bị

cáo Nguyễn Hoàng T về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không thắc mắc gì về tội danh và điều khoản của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân Huyện Kinh Môn đã viện dẫn truy tố, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm hình phạt;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Vũ Quốc B phạm tội Trộm cắp tài sản và bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- *Về hình phạt chính:* Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, điểm s, t khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 18 tháng đến 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2018;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Quốc B từ 18 tháng đến 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s, t, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 07 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2018.

- *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng đối với các bị cáo L, T và B.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Không xem xét giải quyết.

- Về vật chứng, biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự. điểm a, c khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu, cho tiêu hủy 01 Biển kiểm soát 34B1- 547.04; Trả lại anh Nguyễn Hữu H 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha- EXciter, màu đen trắng, xe không đeo Biển kiểm soát.

Truy thu, buộc các bị cáo Lê Văn L nộp số tiền là 2.910.000 đồng, bị cáo Vũ Quốc B nộp số tiền là 3.010.000 đồng và bị cáo Nguyễn Hoàng T nộp số tiền là 500.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra còn đề nghị xem xét về tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an

Huyện K; Viện kiểm sát nhân dân Huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và người có quyền L nghĩa vụ không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo L, B và T đều thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng, Viện kiểm sát nhân dân Huyện K đã truy tố. Lời khai này phù hợp với lời khai của các bị cáo đã khai nhận trong quá trình điều tra và lời khai của những người bị hại, người có quyền L nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong vụ án; phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 27/10/2018, tại trước cổng nhà chị Vũ Thị T3, ở địa chỉ: thôn H1, xã H, Huyện K, Lê Văn L và Vũ Quốc B có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS, biển số 34D1- 185.42, trị giá 11.187.200 đồng của chị Vũ Thị T3 và anh Đặng Văn K. Tiếp đó, khoảng 19 giờ cùng ngày, tại trước cửa quán của ông Nguyễn Trọng L, tại địa chỉ: thôn Kim Xuyên, xã An Sinh, Huyện K, các bị cáo L, B có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave Anpha, biển số 34R2- 0638, trị giá 5.520.000 đồng của ông L, bà Nga. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của gia đình ông L, các bị cáo L, B đã nhờ Nguyễn Hoàng T mang chiếc xe mô tô đi bán. Mặc dù bị cáo T biết rõ là xe mô tô do L và B trộm cắp được mà có nhưng vẫn đồng ý đem chiếc xe mô tô trên đi bán được số tiền 3.500.000 đồng và được bị cáo L chia cho 500.000 đồng.

Xét, việc các bị cáo L, B đã lén lút chiếm đoạt trái phép 01 xe mô tô của vợ chồng chị T3 và 01 xe mô tô của vợ chồng ông L với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 16.707.200đồng nên việc các bị cáo Lê Văn L và Vũ Quốc B bị Viện kiểm sát nhân dân Huyện K truy tố về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội.

Xét, việc bị cáo T đã biết rõ chiếc xe mô tô các bị cáo L, B trộm cắp của vợ chồng ông L mà có nhưng vẫn đồng ý đem xe mô tô đi bán được số tiền 3.500.000 đồng nên việc bị cáo Nguyễn Hoàng T bị Viện kiểm sát nhân dân Huyện K truy tố về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời

xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm cho quần chúng nhân dân trên địa bàn Huyện K không yên T3 trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.

Các bị cáo là ng- ời có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù nhận thức đ- ợc hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng để có tiền tiêu sài cho bản thân vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo L, B phạm tội trong T hợp có đồng phạm nên cả hai bị cáo đều phải áp dụng quy định tại các Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự khi quyết định mức hình phạt.

Trong vụ án trộm cắp tài sản, các bị cáo L, B thực hiện có tính chất đồng phạm nên cần đánh giá vị trí, vai trò và tính chất mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo mới đảm bảo quy định: Bị cáo L rủ bị cáo B vào việc trộm cắp tài sản, sử dụng phương tiện mô tô mượn của anh H làm phương tiện thực hiện tội phạm, sau khi trộm cắp được xe mô tô là người liên hệ việc đem xe đi tiêu thụ, thực hiện tội phạm tích cực nên giữ vai trò đầu vụ. Bị cáo B cũng là người rủ bị cáo L thực hiện việc trộm cắp tài sản, thực hiện tội phạm tích cực nên cũng giữ vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo phạm tội đều thuộc T hợp chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *phạm tội hai lần trở lên* theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Trong vụ án tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội độc lập, là người không chấp hành pháp luật nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với tính chất và hậu quả mà hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Các bị cáo L, B và T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo L, T trong quá trình điều tra đều đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T phạm tội thuộc T hợp phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả tội phạm mà các bị cáo đã gây ra cho xã hội và việc các bị cáo từ địa phương khác đến địa bàn Huyện K thực hiện hành vi phạm tội, gây khó khăn cho công tác điều tra xử lý tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải có mức hình phạt nghiêm dành cho các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian phù hợp mới giúp các bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân sống có ích cho

xã hội sau này, đồng thời góp phần vào việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét, các bị cáo L, B và T tr- ớc khi phạm tội không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3].Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Hiện những người bị hại trong vụ án là vợ chồng chị T3, anh K và vợ chồng ông L, bà Nga đều xác định đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên không phải xem xét, giải quyết trong vụ án là đúng quy định;

Đối với việc bị cáo B, L sau khi trộm cắp được xe mô tô của vợ chồng ông L đã tháo 01 chiếc giá đèo hàng B sắt bán được 120.000 đồng, số tiền này vợ chồng ông L không yêu cầu bồi thường, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật nên cần truy thu buộc bị cáo B, L phải nộp số tiền này sung công quỹ Nhà nước là đúng quy định, chia theo phần mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 60.000 đồng.

Đối với số tiền 3.500.000 đồng do anh Hoàng N L3 mua xe mô tô của bị cáo L và B, việc mua bán xe là hợp đồng dân sự, không liên quan đến tội phạm, chiếc xe đã được anh L3 giao nộp để Công an Huyện K giao trả lại người bị hại. Anh L3 tự nguyện không yêu cầu các bị cáo L, B phải hoàn trả số tiền này, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Thực tế bị cáo L, B được sử dụng 3.000.000 đồng, còn 500.000 đồng cho bị cáo T quản lý sử dụng nên cần truy thu, buộc các bị cáo L, B mỗi người phải nộp 1.500.000đồng vào sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo T phải nộp số tiền 500.000 đồng sung công quỹ Nhà nước. Về trách nhiệm dân sự giữa các bị cáo L, T và B đối với anh L3 không phải xem xét, giải quyết trong vụ án là đúng quy định.

Đối với số tiền anh Phạm Văn H1 xác định cho các bị cáo L, B vay 2.800.000 đồng và để lại xe mô tô BKS 34D1- 185.42 cho anh H1 quản lý. Hiện có căn cứ xác định giao dịch này là hợp đồng dân sự, không liên quan đến tội phạm, anh H1 đã trả lại chiếc xe này cho người bị hại. Anh H1 không yêu cầu các bị cáo thanh toán trả số tiền vay 2.800.000 đồng, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần truy thu buộc các bị cáo L, B phải nộp số tiền 2.800.000 đồng sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ, đúng quy định. Căn cứ vào thực tế hưởng L, buộc bị cáo L phải sung công quỹ số tiền là 1.350.000 đồng, bị B phải nộp sung công quỹ số tiền là 1.450.000đồng. Về trách nhiệm dân sự giữa các bị cáo L, B đối với anh H1 không phải xem xét, giải quyết trong vụ án là đúng quy định.

Về vật chứng: Đối với 01 chiếc BKS 34B1- 54704 là vật chứng liên quan đến tội phạm, không còn giá trị nên cần tịch thu, cho tiêu hủy là có căn cứ, đúng quy định;

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha- EXciter, màu đen trắng, xe không đeo Biển kiểm soát, là xe bị cáo L mượn của anh Nguyễn Hữu H và sử dụng làm phương tiện phạm tội. Hiện có căn cứ xác định anh H khi cho mượn xe không biết việc các bị cáo L, B sử dụng làm phương tiện phạm tội. Anh H xuất trình được giấy nhận cH1ển nhượng xe mô tô theo quy định nên cần giao trả lại anh H chiếc xe mô tô này để anh H quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật là có căn cứ, đúng quy định.

Về án phí: Các bị cáo được xác định là phạm tội nên phải nộp án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

Trong vụ án này, đối với hành vi của Nguyễn Hoàng T vào sáng ngày 27/10/2018 đi cầm cố hộ L và B chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, biển số 34D1-185.42. T không biết xe do L và B phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Huyện K không xử lý đối với T là đúng quy định nên không phải xem xét, giải quyết trong vụ án. Đối với anh Phạm Văn H1 có hành vi nhận cầm cố chiếc xe mô tô, biển số 34D1- 185.42; anh Hoàng N L3 có hành vi mua chiếc xe mô tô biển số 34R2- 0639; anh Nguyễn Đức H có hành vi cho L và T để nhờ xe mô tô trộm cắp được tại nhà. Anh H1 và anh L3, anh H không biết xe do L và B phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Huyện K không xử lý là đúng quy định nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án. Đối với anh anh Nguyễn Hữu H có hành vi cho L mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter màu đen trắng biển số 34B1-806.48. Anh H không biết L sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Huyện K không đặt ra việc xử lý đối với anh H là đúng quy định nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 46; điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 và điểm a, c khoản 3 Điều 106; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th- ờng vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án đối với các bị cáo L, B và điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo L.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 46; điểm s, t, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23- Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th- ờng vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án đối với bị cáo T;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Vũ Quốc B phạm Tội trộm cắp tài sản. Bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2018.

Xử phạt bị cáo Vũ Quốc B 16 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

4.Về vật chứng, và biện pháp tư pháp, xử:

- Tịch thu, cho tiêu hủy 01 chiếc biển kiểm soát 34B1- 54704; Trả lại anh Nguyễn Hữu H 01 xe mô tô hiệu Yamaha - Exciter, màu đen trắng, xe không đeo Biể kiểm soát. *(Các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng lưu trong hồ sơ vụ án và đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện K);*

- Truy thu, buộc bị cáo Lê Văn L phải nộp số tiền sung công quỹ Nhà nước là 2.910.000 đồng (Hai triệu chín trăm mười nghìn đồng); Truy thu, buộc bị cáo Vũ Quốc B phải nộp số tiền sung công quỹ Nhà nước là 3.010.000 đồng (Ba triệu không trăm mười nghìn đồng); Truy thu, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp số tiền sung công quỹ Nhà nước là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí, xử: Buộc các bị cáo Lê Văn L, Vũ Quốc B và Nguyễn Hoàng T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo biết đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định; Người có quyền L nghĩa vụ liên quan có quyền kháng

cáo phần quyền L nghĩa vụ liên quan tại bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết

** Nơi nhận:*
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND Huyện K;
- Công an Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; Người bị hại, người có qlnv liên quan;
- Lưu Vp, hồ sơ.